

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2018/DS-ST**

Ngày 11-10-2018

v/v: Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn;
2. Ông Nguyễn Văn Thiện;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2018/TLST- DS, ngày 14/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXXST-DS ngày 17/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2018/QĐST-DS, ngày 2/10/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1967. Có mặt

Trú tại: Số 134 NGT, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1979, Vắng mặt

Trú tại: Số 86 CBD, khu phố 5, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Võ Thành D**, sinh năm 1966 (Chồng bà L) – Vắng mặt.

Trú tại: Số 134 NGT, khu phố 7, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người làm chứng:*

-Bà Huỳnh Thị T1. Vắng mặt.

Trú tại: Số 22 TBT, khu phố 5, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Nguyễn Thị T2. Vắng mặt

Trú tại: Số 31 NTĐ, khu phố 9, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Nguyễn Thị Đ1. Vắng mặt

Trú tại: Số 26 THT, khu phố 9, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Nguyễn Thị Thu P (P1). Có mặt

Trú tại: Số 97 NAN, khu phố 6, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Nguyễn Thị D1. Vắng mặt

Trú tại: Số 248 NTĐ, khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà Nguyễn Thị N. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 8, khu phố 9, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Trong năm 2017 bà Nguyễn Thị Thu Th có tham gia chơi hụi cho bà Phạm Thị L làm chủ. Sau khi hốt hụi, bà Th không đóng hụi chết, nên nợ tiền hụi tổng cộng là 169.700.000 đồng. Cụ thể: Dây hụi ngày 23/1/2017, có 14 người chơi, mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng, sau khi chơi được một thời gian, bà Th hốt hụi số tiền là 49.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà Th phải đóng hụi chết mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng bà Th không đóng. Dây hụi ngày 28/3/2017, có 13 người chơi, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng. Bà Th là người hốt hụi đầu tiên số tiền 120.000.000

đồng, sau khi hốt hui mỗi tháng phải đóng hui chết là 10.000.000 đồng nhưng bà Th không đóng. Do bà Th không đóng hui chết, nên bà L bỏ tiền để đóng thay cho bà Th, nên yêu cầu bà Th phải trả số tiền 169.700.000 đồng.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà L trình bày: Bà Th tham gia vào 03 dây hui do bà L làm chủ hui, cụ thể: Dây hui mở ngày 6/6/2016 âm lịch, có 16 người tham gia, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng. Dây hui này bà Th đóng được 13 tháng thì hốt hui và còn nợ lại 2 tháng hui chết là 6.000.000 đồng. Dây hui mở ngày 10/01/2017 âm lịch, có 14 người tham gia, mỗi tháng đóng 5.000.000 đồng. Dây hui này bà Th hốt đầu tiên số tiền 65.000.000 đồng, sau đó có đóng 4 tháng hui chết và còn nợ lại 45.000.000 đồng. Dây hui mở ngày 12/01/2017 âm lịch, có 13 người tham gia, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng, bà Th đóng được 02 tháng, thì hốt hui, sau khi hốt hui bà Th đóng được 1 tháng hui chết và còn nợ lại 9 tháng là 90.000.000 đồng. Do sau khi hốt hui nhưng không đóng hui chết đầy đủ nên bà L phải bỏ tiền đóng thay cho bà Th, để duy trì cho đến khi các dây hui kết thúc. Vì vậy bà Th còn nợ bà L tổng cộng tiền hui chết trong 03 dây hui nói trên là 141.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu bà Th phải trả 141.000.000 đồng tiền nợ hui trong 03 dây nói trên.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 02 tờ giấy nợ tiền hui có ký tên Nguyễn Thị Thu Th, một sổ sổ theo dõi việc chơi hui do bà L làm chủ hui.

Tòa án đã tổng đạt cho bị đơn Nguyễn Thị Thu Th các thông báo: Thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không tham gia. Tòa án đã thông báo kết quả về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Qua biên bản lấy lời khai của những người làm chứng, thì những người làm chứng đều khẳng định là bà Th có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, bà Th đã hốt hụi, nhưng việc nợ tiền hụi giữa bà L và bà Th họ không biết rõ được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận:

Phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng Bộ luật tố tụng dân sự khi tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ các quy định của pháp luật.

Phần nội dung: Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp. Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Trong năm 2016 và 2017 bà Th tham gia 03 dây hụi do bà L làm chủ là dây hụi ngày 6/6/2016 âm lịch, ngày 10/01/2017 và ngày 12/01/2017. Sau khi hốt hụi bà Th còn nợ hụi chết chỗ bà L là 141.000.000 đồng, nhưng dây hụi ngày 6/6/2016 âm lịch còn nợ lại 6.000.000 đồng, bà L không cung cấp chứng cứ, nên không chấp nhận, chấp nhận yêu cầu của bà L trong 02 dây hụi vào năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ hụi do nguyên đơn làm chủ hụi thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặc dù trong đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu về khoản tiền 6.000.000 đồng trong dây hụi ngày 6/6/2017 âm lịch, nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên có yêu cầu số tiền này. Xét thấy yêu cầu này nằm trong phạm vi khởi kiện nên chấp nhận; Vì: Đây cũng là quan hệ về hụi, cùng yêu cầu đối với một bị đơn, đồng thời nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, bị

đơn và một số người làm chứng vắng mặt, không có lý do, nên xét xử vắng mặt họ, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp về hui. Giao dịch dân sự (hui) giữa các bên được xác lập trong năm 2016 và năm 2017 và chấm dứt vào năm 2018. Tuy nhiên, giao dịch về hui quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 có nội dung giống với quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 (chỉ khác nhau về lãi suất), nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp. Vì nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải trả số tiền 141.000.000 đồng nợ hui là có căn cứ để chấp nhận: Nguyên đơn đã đưa ra 02 tờ giấy có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu Th với số tiền nợ hui là 169.700.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền bị đơn phải trả là 141.000.000 đồng (nhỏ hơn số tiền yêu cầu trong đơn). Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th biết về yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bị đơn cũng không có ý kiến phản đối gì. Các nhân chứng là những người tham gia chơi hui cùng bà Th, bà L đều xác nhận bà Th có tham gia chơi hui do bà L làm chủ và đã hót hui. Từ đó buộc bà Th phải có trách nhiệm trả ch bà L và ông Võ Thành D số tiền nợ hui 141.000.000 đồng là phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật

dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải trả cho bà Phạm Thị L và ông Võ Thành D số tiền 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bà L và ông D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên, thì bà Th phải chịu lãi suất chậm thi hành là 10%/năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành xong số tiền trên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 7.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị L 4.242.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018415 ngày 14/5/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 11/10/2018, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

